

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HS- ST

Ngày: 07/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuyền

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Minh

Ông Nguyễn Thành Biên

* *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:* Bà Quách Thị Nền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2022. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/HSST- QĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Đức C – sinh năm 1990

Nơi cư trú: Khu dân cư C1, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn X và bà Nguyễn Thị T; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị T1; Bị cáo có 01 con.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43 ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/4/2021. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm ngày 30/7/2020.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/10/2021, giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. *Có mặt.*

***Người bị hại:** Chị Lê Thùy L, sinh năm: 2004, địa chỉ: Thôn 3- Xã H – thị xã K – tỉnh Hải Dương; Người giám hộ: Chị H1, sinh năm: 1997, địa chỉ: Khu dân cư C1- Phường D – thị xã K – tỉnh Hải Dương. *Đều đề nghị vắng mặt.*

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Đình H2, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 10 đường M- Phường M – thị xã K – tỉnh Hải Dương. *Đề nghị vắng mặt.*

- **Người làm chứng:** Anh Trần Văn G, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu dân cư C1- Phường D – thị xã K – tỉnh Hải Dương; Anh Phạm Văn B, sinh năm 1993, địa chỉ: Khu dân cư H3- Phường M – thị xã K – tỉnh Hải Dương. *Đều vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 24/10/2021, Phạm Đức C đi bộ một mình quanh khu vực Khu dân cư K1 - phường D - thị xã K - tỉnh Hải Dương, mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến nhà chị Trần Thị T2 - sinh năm 1984, ở Khu dân cư K1 - D - K, C thấy tại hiên cửa nhà chị T2 có 01 cháu bé khoảng 08 tuổi đang nghịch điện thoại, bên cạnh có để 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus màu hồng của chị Lê Thùy L - sinh năm 2004, trú tại: H - K - Hải Dương, lúc này C nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại trên. C đi qua đi lại nhiều lần mục đích tìm sơ hở để lấy chiếc điện thoại. Một lúc sau thấy tại hiên nhà chị T2 không có ai và chiếc điện thoại vẫn để ở hiên nhà, C đi vào lấy chiếc điện thoại rồi đi ra ngoài. Sau khi lấy được điện thoại C điện thoại cho Trần Văn G - sinh năm 1991, trú tại: D - K - Hải Dương nói vừa nhặt được điện thoại và nhờ G chở đi bán. Do G không biết chỗ bán điện thoại nên G chở C đến nhà Phạm Văn B - sinh năm 1993, trú tại: H3 1 - M - K - Hải Dương, C bảo B nhặt được chiếc điện thoại và nhờ B dẫn đi bán, B đồng ý. Sau đó G chở C và B đi đến cửa hàng điện thoại Hà Hoàn của anh Nguyễn Đình H2 - sinh năm 1968, ở M - K - Hải Dương. C vào gặp anh H2 bán chiếc điện thoại Iphone 8 Plus nêu trên được số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi bán được điện thoại thì G và B đi về nhà, còn C đi đến khu dân cư L - P - K mua ma túy của một người không quen biết và sử dụng hết số ma túy mua được. Số tiền còn lại C đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 25/10/2021 chị Lê Thùy L có đơn trình báo gửi Công an tỉnh Hải Dương.

Ngày 27/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn thu giữ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus vỏ màu hồng do anh Nguyễn Đình H2 giao nộp.

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06 ngày 28/10/2021, xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng đồng, loại 64Gb trị giá= 6.345.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thùy L đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường về dân sự. Anh Nguyễn Đình H2 yêu cầu C phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT- VKS ngày 11 tháng 01 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố bị cáo Phạm Đức C về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự;

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Đức C và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Đức C phạm tội Trộm cắp tài sản.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Đức C từ 09 đến 12 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 10 năm 2021;
- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo C;
- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo C phải hoàn trả anh Nguyễn Đình H2 số tiền 2.000.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên về tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo C.

* Bị cáo Phạm Đức C khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thị xã Kinh Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo C khai phù hợp với lời khai bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu liên quan khác được thu thập trong quá trình điều tra hiện có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 24/10/2021 tại chỗ ở của chị Trần Thị T2, ở K1- D - K - Hải Dương, Phạm Đức C đã có hành vi trộm cắp của chị Lê Thùy L 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus trị giá 6.345.000 đồng.

[2.1] Xét, việc bị cáo C có hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Lê Thùy L trị giá 6.345.000 đồng nên việc Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố bị cáo C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm cho quần chúng nhân dân trên địa bàn thị xã K không yên tâm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

[2.3] Bị cáo C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức được hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì muốn có tiền để tiêu sài cho bản thân vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo C lần phạm tội này bị xác định thuộc trường hợp tái phạm vì tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HSST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo C chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/4/2021 nên tại lần xét xử này phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *tái phạm* theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[2.4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng xét việc trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *Người phạm tội thành khẩn khai báo* theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo C thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[2.5] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo C và hậu quả tội phạm mà bị cáo đã gây ra cho xã hội nên cần phải có mức hình phạt phù hợp dành cho bị cáo, cách ly bị cáo C ra khỏi xã hội một thời gian mới giúp bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân sống có ích cho xã hội sau này.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo trước khi phạm tội không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thùy L đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về dân sự nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án; Đối với việc anh Nguyễn Đình H2 đã được bị cáo C bán chiếc điện thoại Iphone 8 Plus với giá tiền 2.000.000 đồng. Xét, đây là việc mua bán dân sự giữa bị cáo C và anh Hà. Bị cáo C chưa hoàn trả số tiền này, nay anh Hà yêu cầu bị cáo C hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo C bị kết án nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm hình sự và án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

[6] Trong vụ án này, đối với anh Nguyễn Đình H2 khi mua điện thoại C đem đến bán, anh Hà không biết đó là tài sản do C phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn không xử lý đối với anh Hà là có căn cứ, đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án; Đối với các anh Trần Văn G, Phạm Văn B dẫn C đi bán chiếc điện thoại nhưng các anh G, B không biết chiếc điện thoại là do C phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra- Công an thị xã Kinh Môn không xem xét, xử lý đối với các anh G, B là có căn cứ, đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án; Đối với người bán chất ma túy cho bị cáo C, quá trình điều tra chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ, Cơ quan điều tra- Công an thị xã Kinh Môn tiếp tục làm rõ xử lý sau là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án; Đối với Phạm Đức C có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thị xã Kinh Môn đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành C số 34/QĐ-XPHC ngày 25/12/2021 đối với C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí đối với bị cáo C.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Đức C phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Đức C 12 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 10 năm 2021;

3. Về trách nhiệm dân sự: Không phải xem xét, giải quyết về bồi thường dân sự giữa bị cáo Phạm Đức C và chị Lê Thùy L. Buộc bị cáo Phạm Đức C phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Nguyễn Đình H2 số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Xử buộc bị cáo Phạm Đức C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo C biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người đại diện của người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo phần quyền lợi liên quan trong bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan thi hành án hình sự
và Cơ quan cảnh sát điều tra
(Công an thị xã Kinh Môn);
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo, Người bị hại/đại diện người bị hại,
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

Phạm Anh Tuyết